

UBND QUẬN ĐÔNG ĐA
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI TRỰC
TUYỂN “TÌM HIỂU PHÁP LUẬT
VỀ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ VÀ
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Đa, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Số: 24/16/QĐ-BTC

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ câu hỏi Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn quận Đông Đa

BAN TỔ CHỨC CUỘC THI

Căn cứ Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 30/4/2023 của UBND quận Đông Đa về tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn quận Đông Đa năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 08/ 8/2023 của Chủ tịch UBND quận Đông Đa về việc thành lập Ban Tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn quận Đông Đa năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 07 /TTr-TP ngày 08/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ câu hỏi Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tư pháp, Thủ trưởng các phòng, ban, đoàn thể, đơn vị Quận; Chủ tịch UBND 21 Phường; các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Quận;
- Các Đ/c Phó Chủ tịch UBND Quận;
- Thành viên Ban Tổ chức cuộc thi;
- Các phòng, ban, đơn vị Quận;
- UBND 21 Phường;
- Lưu VT.

TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN
Nguyễn Thanh Tùng



Đồng Đa, ngày 15 tháng 8 năm 2023

BỘ CÂU HỎI

Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn quận Đồng Đa
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2416/QĐ-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Ban Tổ chức Cuộc thi)

I. CÂU HỎI PHÂN THI TRẮC NGHIỆM

Người dự thi lựa chọn phương án trả lời đúng trong các câu hỏi sau:

Câu 1: Theo quy định tại Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/09/2022 của Chính phủ thì “Khái niệm” nào sau đây là đúng?

- “Danh tính điện tử” là thông tin của một cá nhân hoặc một tổ chức trong hệ thống định danh và xác thực điện tử cho phép xác định duy nhất cá nhân hoặc tổ chức đó trên môi trường điện tử.
- “Chủ thể danh tính điện tử” là tổ chức, cá nhân được xác định gắn với danh tính điện tử.
- “Định danh điện tử” là hoạt động đăng ký, đối soát, tạo lập và gắn danh tính điện tử với chủ thể danh tính điện tử.
- Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 2: Theo Nghị định 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ thì “Tài khoản định danh điện tử” là gì?

- Là tài khoản được tạo lập bởi người dân và doanh nghiệp trên điện thoại. Tài khoản này được quản lý và xác thực trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia, do Bộ Thông tin và Truyền thông phát triển.
- Là tài khoản do người dân tạo lập trên điện thoại, máy tính bảng, máy tính laptop. Tài khoản này được quản lý và xác thực trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia, do Bộ Công an phát triển.
- Là tập hợp gồm tên đăng nhập, mật khẩu hoặc hình thức xác thực khác được tạo lập bởi cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử (Bộ Công an).
- Là tài khoản do Bộ Công an lập trên các thiết bị thông minh và cấp cho người dân bao gồm tên đăng nhập, mật khẩu.

Câu 3: Theo Nghị định 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ thì “Xác thực điện tử” là gì?

- Là hoạt động xác nhận, khẳng định thông tin gắn với chủ thể danh tính điện tử thông qua việc khai thác, đối chiếu thông tin của chủ thể danh tính điện tử đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, cơ sở dữ liệu khác và hệ thống định danh.

b. Là hoạt động xác nhận, khẳng định thông tin gắn với chủ thể danh tính điện tử thông qua việc khai thác, đối chiếu thông tin của chủ thể danh tính điện tử đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, cơ sở dữ liệu khác và hệ thống định danh và xác thực điện tử hoặc xác thực tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập qua tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử để khẳng định giá trị sử dụng của tài khoản định danh điện tử đó.

c. Là hoạt động xác nhận, khẳng định thông tin gắn với chủ thể danh tính điện tử thông qua việc khai thác, đối chiếu thông tin của chủ thể danh tính điện tử và xác thực điện tử hoặc xác thực tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập qua tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử để khẳng định giá trị sử dụng của tài khoản định danh điện tử đó.

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 4: Theo Nghị định 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ thì “Ứng dụng VNelD” được hiểu như thế nào?

a. VNelD hay còn gọi là “ví giấy tờ điện tử” là phương thức quản lý thông tin CCCD cùng toàn bộ giấy tờ tùy thân trên môi trường mạng, giúp công dân làm thủ tục hành chính trên môi trường điện tử - dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công an.

b. VNelD là ứng dụng trên thiết bị số do Bộ Công an tạo lập, phát triển để phục vụ hoạt động định danh điện tử và xác thực điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

c. VNelD là ứng dụng trên thiết bị số do Bộ Công an tạo lập, phát triển để phục vụ hoạt động định danh điện tử và xác thực điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính công trên môi trường điện tử; phát triển các tiện ích để phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân.

d. VNelD là ứng dụng trên thiết bị số do Bộ Công an tạo lập, phát triển để phục vụ hoạt động định danh điện tử và xác thực điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và các giao dịch khác trên môi trường điện tử; phát triển các tiện ích để phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Câu 5: Tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của công dân Việt Nam gồm những thông tin nào dưới đây?

a. Chỉ có thông tin cá nhân gồm Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính.

b. Chỉ có Thông tin sinh trắc học là Ảnh chân dung.

c. Thông tin cá nhân (Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính) và Thông tin sinh trắc học (Ảnh chân dung).

d. Thông tin cá nhân (Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính) và Thông tin sinh trắc học (Ảnh chân dung, Vân tay).

Câu 6: Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của công dân Việt Nam gồm những thông tin nào dưới đây?

a. Chỉ có thông tin cá nhân gồm Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính.

b. Chỉ có Thông tin sinh trắc học là Ảnh chân dung.

c. Thông tin cá nhân (Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính) và Thông tin sinh trắc học (Ảnh chân dung).

d. Thông tin cá nhân (Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Thông tin sinh trắc học (Ảnh chân dung, Vân tay) và các giấy tờ đã được tích hợp trên tài khoản định danh điện tử như thẻ bảo hiểm y tế, giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe, mã số thuế...

Câu 7: Danh tính điện tử công dân Việt Nam gồm những nội dung nào sau đây?

a. Thông tin cá nhân (Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính); Thông tin sinh trắc học (Ảnh chân dung; Vân tay).

b. Thông tin cá nhân (Số định danh cá nhân); Thông tin sinh trắc học (Vân tay).

c. Thông tin cá nhân (Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh;); Thông tin sinh trắc học (Ảnh chân dung).

d. Thông tin cá nhân (Số định danh cá nhân; Giới tính); Thông tin sinh trắc học (Ảnh chân dung; Vân tay).

Câu 8: Danh tính điện tử tổ chức gồm những nội dung nào dưới đây?

a. Mã định danh điện tử của tổ chức, Số định danh cá nhân hoặc số định danh của người nước ngoài; họ, chữ đệm và tên người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu của tổ chức.

b. Tên tổ chức gồm tên tiếng Việt, tên viết tắt (nếu có) và tên tiếng nước ngoài (nếu có).

c. Ngày, tháng, năm thành lập, Địa chỉ trụ sở chính.

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 9: Danh tính điện tử người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam gồm những nội dung nào dưới đây?

a. Thông tin cá nhân (Số định danh của người nước ngoài; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quốc tịch; Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, loại giấy tờ và nơi cấp hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế); Thông tin sinh trắc học (Ảnh chân dung; Vân tay).

b. Thông tin cá nhân (Số định danh của người nước ngoài); Thông tin sinh trắc học (Vân tay).

c. Thông tin cá nhân (Số định danh của người nước ngoài; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Thông tin sinh trắc học (Ảnh chân dung).

d. Thông tin cá nhân (Quốc tịch; Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, loại giấy tờ và nơi cấp hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế); Thông tin sinh trắc học (Vân tay).

Câu 10: Khi đăng ký tài khoản định danh điện tử ở mức độ 2, công dân Việt Nam có thể Căn cước công dân gắn chip, công dân cần thực hiện nội dung nào dưới đây?

a. Công dân đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc nơi làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân để làm thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử. Công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, cung cấp thông tin về số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử và đề nghị bổ sung thông tin được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

b. Chụp ảnh chân dung, thu nhận vân tay theo yêu cầu của người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ.

c. Kích hoạt tài khoản định danh điện tử sau khi nhận được thông báo kết quả đăng ký tài khoản qua ứng dụng VNeID hoặc tin nhắn SMS hoặc địa chỉ thư điện tử.

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 11: Thời hạn cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đối với công dân Việt Nam đã có thẻ Căn cước công dân gắn chip là bao nhiêu ngày?

a. Không quá 03 ngày làm việc.

b. Không quá 05 ngày làm việc.

c. Không quá 07 ngày làm việc.

d. Không quá 06 ngày làm việc.

Câu 12: Thời hạn cấp tài khoản định danh điện tử đối với công dân Việt Nam chưa có thẻ Căn cước công dân gắn chip là bao nhiêu ngày?

a. Không quá 03 ngày làm việc.

b. Không quá 05 ngày làm việc.

c. Không quá 07 ngày làm việc.

d. Không quá 06 ngày làm việc.

Câu 13: Thẻ Căn cước công dân gắn chip có những tiện ích nào?

a. Thẻ Căn cước công dân gắn chip tích hợp đầy đủ các thông tin, do đó, khi thực hiện các giao dịch, các thủ tục hành chính công dân chỉ cần sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip mà không phải mang theo nhiều loại giấy tờ. Chip gắn trên Căn cước công dân không có chức năng định vị, theo dõi công dân.

b. Thẻ Căn cước công dân gắn chip có tính linh hoạt khi cần bổ sung hoặc sửa đổi thông tin của công dân, dữ liệu thông tin có trong thẻ Căn cước công dân gắn chip có thể truy cập ngay lập tức thông qua thiết bị cho phép đọc thông tin mà không phụ thuộc vào kết nối mạng, giúp cho việc xác thực danh tính công dân nhanh và chính xác.

c. Thẻ Căn cước công dân gắn chip có độ bảo mật cao, dung lượng lưu trữ lớn, cho phép tích hợp nhiều ứng dụng đi kèm, như: ứng dụng chữ ký số, ứng dụng sinh trắc học, ứng dụng mật khẩu một lần... có thể được sử dụng và kết nối rộng rãi cho các dịch vụ công cộng và tư nhân.

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 14: Người dân sau khi kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức độ 1/mức độ 2 thành công có thể đăng nhập và sử dụng các chức năng, tiện ích nào trên ứng dụng VNeID ?

a. Giải quyết dịch vụ công trực tuyến: thông báo lưu trú, đăng ký thường trú, tạm trú, khai báo tạm vắng... sẽ tự điền thông tin vào các biểu mẫu đăng ký mà không phải khai báo, điền thông tin nhiều lần giúp tiết kiệm được nhiều thời gian, chi phí cho các loại biểu mẫu kê khai, giảm nhiều khâu thủ tục cần giải quyết.

b. Các tính năng nổi bật: Ví giấy tờ, thông báo lưu trú, tố giác tội phạm... giúp công dân có thể thay thế thẻ Căn cước công dân gắn chip, các loại giấy tờ đã đăng ký tích hợp hiển thị trên ứng dụng VNeID như: giấy phép lái xe, đăng ký xe, bảo hiểm y tế ...

c. Khi người dân giao dịch hành chính sẽ giảm tối đa các giấy tờ phải mang theo, thực hiện các giao dịch hành chính

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 15: Tài khoản định danh điện tử có thể tích hợp giấy tờ nào dưới đây của công dân?

a. Thẻ Bảo hiểm y tế.

b. Giấy đăng ký xe.

c. Giấy phép lái xe.

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 16: Chủ thẻ danh tính điện tử sử dụng tài khoản định danh điện tử phải tuân thủ quy định nào?

a. Không được sử dụng tài khoản định danh điện tử vào hoạt động, giao dịch trái quy định của pháp luật.

b. Không được sử dụng tài khoản định danh điện tử xâm phạm đến an ninh, quốc phòng, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

c. Không được can thiệp trái phép vào hoạt động của hệ thống định danh và xác thực điện tử.

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 17: Đối tượng nào dưới đây được cấp tài khoản định danh điện tử?

a. Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên, đối với công dân Việt Nam là người chưa đủ 14 tuổi hoặc là người được giám hộ được đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ, hoặc người giám hộ.

b. Cơ quan, tổ chức được thành lập hoặc đăng ký hoạt động tại Việt Nam.

c. Người nước ngoài từ đủ 14 tuổi trở lên nhập cảnh vào Việt Nam; đối với người nước ngoài là người chưa đủ 14 tuổi hoặc là người được giám hộ được đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 18: Tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam có mấy mức độ?

a. 3 mức độ.

b. 2 mức độ.

c. 1 mức độ.

d. 4 mức độ.

Câu 19: Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đối với chủ thẻ danh tính điện tử là công dân Việt Nam có những lợi ích nào dưới đây?

a. Có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ Căn cước công dân trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình thẻ Căn cước công dân.

b. Có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của công dân đã đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó.

c. Tiết kiệm được nhiều thời gian, chi phí vì không phải kê khai nhiều loại biểu mẫu, giảm nhiều khâu thủ tục khi thực hiện giao dịch hành chính công.

d. Tất cả phương án trên đều đúng.

Câu 20: Khi đăng ký tài khoản định danh điện tử ở mức độ 1, công dân Việt Nam có thể Căn cước công dân gắn chip cần thực hiện nội dung nào dưới đây?

a. Công dân sử dụng thiết bị di động tải và cài đặt ứng dụng VNeID.

b. Công dân sử dụng ứng dụng VNeID để nhập thông tin về số định danh cá nhân và số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử.

c. Công dân cung cấp các thông tin theo hướng dẫn trên ứng dụng VNeID; thu nhận ảnh chân dung bằng thiết bị di động và gửi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử tới cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử qua ứng dụng VNeID.

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 21: Để đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2, công dân Việt Nam cần làm gì?

a. Đến cơ quan công an xã, phường, thị trấn nơi thường trú hoặc tạm trú để xác thực ảnh mặt và vân tay; cung cấp các giấy tờ cá nhân như thẻ bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, đăng ký xe.

b. Chỉ cần thực hiện các thao tác đăng ký trên điện thoại di động.

c. Không cần làm gì cả, cán bộ công an xã/phường sẽ đăng ký hộ.

d. Đến cơ quan công an chỉ để cung cấp các giấy tờ cá nhân như thẻ bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, đăng ký xe...

Câu 22: Tài khoản định danh điện tử công dân Việt Nam bị khóa khi nào?

a. Chủ thẻ danh tính điện tử yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử của mình.

b. Chủ thẻ danh tính điện tử chết.

c. Chủ thẻ danh tính điện tử vi phạm điều khoản sử dụng ứng dụng VNeID hoặc bị thu hồi thẻ Căn cước công dân.

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 23: 12 số trên thẻ Căn cước công dân có ý nghĩa như thế nào?

a. 03 chữ số đầu tiên là mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc mã quốc gia nơi công dân đăng ký khai sinh; 01 chữ số tiếp theo là mã giới tính và mã thế kỷ sinh của công dân; 02 chữ số tiếp theo là mã năm sinh của công dân; 06 chữ số cuối là khoảng số ngẫu nhiên.

b. 06 chữ số đầu tiên là mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc mã quốc gia nơi công dân đăng ký khai sinh; 01 chữ số tiếp theo là mã giới tính của công dân; 02 chữ số tiếp theo là mã năm sinh của công dân; 03 chữ số cuối là khoảng số ngẫu nhiên.

c. 04 chữ số đầu tiên là mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc mã quốc gia nơi công dân đăng ký khai sinh; 01 chữ số tiếp theo là mã giới tính của công dân; 02 chữ số tiếp theo là mã năm sinh của công dân; 03 chữ số cuối là khoảng số ngẫu nhiên.

d. 06 chữ số đầu tiên là mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc mã quốc gia nơi công dân đăng ký khai sinh; 06 chữ số cuối là khoảng số ngẫu nhiên.

Câu 24: Trong trường hợp mất thiết bị đang sử dụng tài khoản định danh điện tử, công dân có thể thực hiện yêu cầu khóa tạm thời tài khoản để đảm bảo an toàn cho dữ liệu cá nhân của mình theo cách nào dưới đây?

a. Yêu cầu khóa tài khoản trên Trang thông tin định danh điện tử [Https://vneid.gov.vn](https://vneid.gov.vn).

b. Liên hệ cơ quan công an để được hỗ trợ khóa tạm thời tài khoản.

c. Liên hệ qua số Hotline 1900.0368 để được hỗ trợ khóa tạm thời tài khoản.

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 25: Hạn sử dụng tài khoản định danh điện tử là bao nhiêu lâu?

a. 10 năm.

b. 20 năm.

c. Theo thời hạn thẻ căn cước công dân gắn chip.

d. 30 năm.

Câu 26: Công dân sử dụng tài khoản định danh điện tử của mình như thế nào?

a. Công dân chỉ có thể đăng nhập tài khoản định danh điện tử của công dân trên một thiết bị duy nhất tại một thời điểm nên công dân không thể sử dụng tài khoản định danh điện tử trên nhiều thiết bị khác nhau cùng thời điểm.

b. Cùng một lúc trên tất cả các thiết bị có cài đặt ứng dụng VNeID.

c. Được sử dụng cùng một lúc trên 2 thiết bị di động.

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 27: Có nên thực hiện theo yêu cầu khi nhận được cuộc gọi lạ, xưng là cán bộ Công an yêu cầu cung cấp các thông tin cá nhân, tài khoản ngân hàng,... để cấp tài khoản định danh điện tử không?

a. Không. Vì người dân có thể đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử qua Ứng dụng VNeID hoặc ra trực tiếp cơ quan Công an để thực hiện. Cán bộ Công an sẽ không gọi điện yêu cầu công dân cung cấp thêm thông tin cá nhân hay bất kỳ loại giấy tờ nào khác.

b. Có. Vì cơ quan công an có thể cần bổ sung thêm giấy tờ tích hợp vào tài khoản Định danh điện tử và liên hệ vì đã có số điện thoại lưu trong hệ thống.

c. Chỉ cung cấp thông tin về bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, đăng ký xe cho người gọi điện; không cung cấp thông tin tài khoản ngân hàng.

d. Tùy vào nội dung cơ quan công an yêu cầu mà cân nhắc thực hiện theo hay không.

Câu 28: Công dân sử dụng tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VNeID như thế nào cho đúng?

a. Không chia sẻ thông tin tài khoản cho người khác.

b. Đăng xuất tài khoản khi cho người khác mượn thiết bị.

c. Luôn cập nhật các thông tin về ứng dụng để nắm được các tin tức - thông báo mới nhất về các hướng dẫn an toàn thông tin.

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 29: Mật khẩu ứng dụng VNeID phải đảm bảo yêu cầu nào?

a. Phải từ 8-20 ký tự.

- b. Bao gồm số, chữ viết hoa, chữ viết thường.
- c. Bao gồm ít nhất 1 ký tự đặc biệt.
- d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 30: Chủ thể danh tính điện tử thực hiện kích hoạt tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VNeID trong bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả cấp tài khoản định danh điện tử?

- a. 05 ngày.
- b. 06 ngày.
- c. 07 ngày.
- d. 08 ngày.

Câu 31: Dịch vụ hành chính công là gì?

- a. Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý hoặc dưới hình thức thông báo kết quả thực hiện trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý.
- b. Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, nhằm mục tiêu lợi nhuận.
- c. Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ cấp cho tổ chức.
- d. Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý.

Câu 32: Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước là gì?

- a. Là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân.
- b. Là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.
- c. Là dịch vụ hành chính công của cơ quan nhà nước được cung cấp chỉ cho các tổ chức trên môi trường mạng.
- d. Là dịch vụ hành chính công của cơ quan nhà nước được cung cấp chỉ cho cá nhân trên môi trường mạng.

Câu 33: Theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ thì dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước có những mức độ nào dưới đây?

- a. Có 1 mức độ: Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
- b. Có 2 mức độ: Dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Dịch vụ công trực tuyến một phần.
- c. Có 3 mức độ: Mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3.
- d. Có 4 mức độ: Mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3, mức độ 4.

Câu 34: Dịch vụ công trực tuyến toàn trình của cơ quan nhà nước là gì?

a. Là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b. Là dịch vụ bảo đảm cung cấp một phần thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng.

c. Là dịch vụ bảo đảm chỉ cung cấp toàn bộ thông tin việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

d. Là dịch vụ bảo đảm chỉ cung cấp toàn bộ thông tin việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

Câu 35: Để thực hiện thủ tục hành chính qua hình thức dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan thành phố Hà Nội, công dân cần truy cập vào địa chỉ nào dưới đây?

a. [Https://egov.hanoi.gov.vn](https://egov.hanoi.gov.vn)

b. [Https://dichvucongtructuyen.hanoi.gov.vn](https://dichvucongtructuyen.hanoi.gov.vn)

c. [Https://dichvucong.hanoi.gov.vn](https://dichvucong.hanoi.gov.vn) hoặc [Https://dichvucong.gov.vn](https://dichvucong.gov.vn)

d. Zalo.com, facebook.com, youtube.com

Câu 36: Khi thực hiện một thủ tục hành chính qua hình thức dịch vụ công trực tuyến qua website: [Https://dichvucong.hanoi.gov.vn](https://dichvucong.hanoi.gov.vn) hoặc [Https://dichvucong.gov.vn](https://dichvucong.gov.vn) công dân có thể thực hiện vào thời gian nào dưới đây?

a. Bất cứ lúc nào khi kết nối được môi trường mạng.

b. Chỉ thực hiện được trong giờ hành chính.

c. Chỉ thực hiện được trong ngày làm việc.

d. Chỉ thực hiện được trong ngày thứ bảy, chủ nhật.

Câu 37: Theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ thì các loại giấy tờ nào sau đây có giá trị chứng minh thông tin về nơi cư trú?

a. Thẻ Căn cước công dân gắn chip.

b. Sử dụng ứng dụng VNeID.

c. Giấy xác nhận thông tin về cư trú.

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 38: Theo quy định tại Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ thì việc khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được thực hiện bằng một trong các phương thức nào dưới đây?

a. Tra cứu, khai thác thông tin cá nhân qua chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

b. Tra cứu thông tin cá nhân thông qua tài khoản định danh điện tử của công dân được hiển thị trong ứng dụng VNeID.

c. Sử dụng thiết bị đầu đọc đã được kết nối trực tuyến với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bao gồm thiết bị đọc mã QRCode hoặc thiết bị đọc chip trên thẻ Căn cước công dân gắn chip.

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 39: Theo quy định của Luật Cư trú, Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú đã được cấp vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú cho đến thời điểm nào sau đây?

a. Đến hết ngày 31/12/2022.

b. Đến hết ngày 01/7/2023.

c. Đến ngày 01/07/2022.

d. Đến hết ngày 31/12/2023.

Câu 40: Đề án 06 của Chính phủ có mấy quan điểm chỉ đạo, mấy nhóm tiện ích và mấy nhóm nhiệm vụ?

a. 09 quan điểm; 02 nhóm tiện ích; 03 nhiệm vụ.

b. 07 quan điểm; 05 nhóm tiện ích; 06 nhiệm vụ.

c. 05 quan điểm; 03 nhóm tiện ích; 05 nhiệm vụ.

d. 08 quan điểm; 04 nhóm tiện ích; 07 nhiệm vụ.

Câu 41: Đề án 06 của Chính phủ không thực hiện nhóm tiện ích nào dưới đây?

a. Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

b. Phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

c. Phục vụ công dân số.

d. Phục vụ kinh doanh, giải trí cho người dân và doanh nghiệp.

Câu 42: Đề án 06 của Chính phủ quy định năm 2022 có bao nhiêu dịch vụ công thiết yếu?

a. 15.

b. 20.

c. 25.

d. 30.

Câu 43: Theo Đề án 06 của Chính phủ thì các thủ tục hành chính nào dưới đây là các thủ tục hành chính thiết yếu?

a. Đăng ký thường trú; Đăng ký tạm trú; Khai báo tạm vắng; Thông báo lưu trú.

b. Gia hạn tạm trú.

c. Xác nhận thông tin về cư trú.

d. Xóa đăng ký thường trú, Xóa đăng ký tạm trú.

Câu 44: Công dân thông báo lưu trú với cơ quan công an bằng hình thức nào?

a. Trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú hoặc điểm tiếp nhận thông báo lưu trú.

b. Thông qua số điện thoại, hộp thư điện tử do cơ quan đăng ký cư trú thông báo hoặc niêm yết hoặc qua ứng dụng trên thiết bị điện tử.

c. Thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công Bộ Công an.

d. Tất cả phương án trên đều đúng.

Câu 45: Quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình đổi giấy phép lái xe trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia gồm các bước nào sau đây?

a. (1) Lựa chọn dịch vụ công, (2) Đăng ký tài khoản và Đăng nhập hệ thống, (3) Nộp hồ sơ và thanh toán trực tuyến, (4) Tra cứu, theo dõi tình trạng hồ sơ.

b. (1) Đăng ký tài khoản và Đăng nhập hệ thống, (2) Nộp hồ sơ và thanh toán trực tuyến, (3) Tra cứu, theo dõi tình trạng hồ sơ.

c. (1) Lựa chọn dịch vụ công, (2) Đăng ký tài khoản và Đăng nhập hệ thống, (3) Tra cứu, theo dõi tình trạng hồ sơ.

d. (1) Lựa chọn dịch vụ công, (2) Đăng ký tài khoản và Đăng nhập hệ thống, (3) Tra cứu, theo dõi tình trạng hồ sơ, (4) Nộp hồ sơ và thanh toán trực tuyến.

Câu 46: Khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình đổi giấy phép lái xe, người dân có cần nộp hồ sơ và chụp ảnh trực tiếp nữa không?

a. Không cần đến trực tiếp nộp hồ sơ và chụp ảnh.

b. Không cần đến nộp hồ sơ và chụp ảnh trực tiếp.

c. Không cần đến trực tiếp, thực hiện nộp hồ sơ và đính kèm ảnh trên Cổng dịch vụ công Quốc gia tại website [Https://dichvucong.gov.vn](https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công của Cục Đường bộ Việt Nam tại website [Https://dvc4.gplx.gov.vn](https://dvc4.gplx.gov.vn).

d. Có thể lựa chọn một trong những cách thức trên.

Câu 47: Ông A trước đây thi giấy phép lái xe B1 dùng chứng minh nhân dân để làm thủ tục, nay ông A đã đổi chứng minh nhân dân sang thẻ Căn cước công dân, vậy khi đi gia hạn giấy phép lái xe ông A dùng giấy tờ gì?

a. Giấy khai sinh.

b. Thẻ Bảo hiểm y tế.

c. Có thể dùng căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân.

d. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 48: Theo Quyết định 49/QĐ-BHXH ngày 19/01/2023 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về dịch vụ công trực tuyến "Đăng ký tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện trên Cổng Dịch vụ công", người dân có thể truy cập vào trang website nào để đăng ký tham gia BHXH tự nguyện theo hình thức trực tuyến?

a. [Https://dichvucong.baohiemxahoi.gov.vn](https://dichvucong.baohiemxahoi.gov.vn) hoặc [Https://dichvucong.gov.vn](https://dichvucong.gov.vn)

b. [Https://hanoi.gov.vn/](https://hanoi.gov.vn/)

c. [Https://chinhphu.vn/](https://chinhphu.vn/)

d. [Https://pbgdpl.hanoi.gov.vn/](https://pbgdpl.hanoi.gov.vn/)

Câu 49: Người dân muốn gia hạn thẻ bảo hiểm y tế hộ gia đình có thể thực hiện bằng hình thức nào dưới đây?

a. Chỉ thực hiện thông qua Tổ chức dịch vụ thu hoặc cơ quan bảo hiểm xã hội gần nhất.

b. Chỉ thực hiện nộp tiền qua ứng dụng trực tuyến của ngân hàng trên điện thoại thông minh.

c. Chỉ thực hiện gia hạn qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

d. Thông qua Tổ chức dịch vụ thu hoặc cơ quan bảo hiểm xã hội gần nhất hoặc nộp tiền qua ứng dụng trực tuyến của ngân hàng trên điện thoại thông minh hoặc gia hạn qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Câu 50: Hiện nay, chuyên mục “Nộp BHXH điện tử” trên Cổng Dịch vụ công Bảo hiểm xã hội Việt Nam tại website <https://dichvucong.baohiemxahoi.gov.vn> cung cấp tiện ích nào cho người dân tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình?

- a. Chỉ thực hiện việc gia hạn thẻ bảo hiểm y tế hộ gia đình.
- b. Chỉ thực hiện việc gia hạn thẻ bảo hiểm y tế hộ gia đình tích hợp giảm trừ mức đóng.
- c. Chỉ thực hiện việc đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế.
- d. Gia hạn thẻ bảo hiểm y tế hộ gia đình, gia hạn thẻ bảo hiểm y tế hộ gia đình tích hợp giảm trừ mức đóng, đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

Câu 51: Ứng dụng VssID-BHXH số có những tính năng tra cứu gì?

- a. Tra cứu thông tin quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tự nguyện; thông tin hưởng các chế độ: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, khám chữa bệnh bảo hiểm y tế; Mã số bảo hiểm xã hội; thời hạn sử dụng thẻ bảo hiểm y tế.
- b. Chỉ tra cứu được thông tin hưởng các chế độ: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.
- c. Chỉ tra cứu được mã số bảo hiểm xã hội; thời hạn sử dụng thẻ bảo hiểm y tế.
- d. Chỉ tra cứu thông tin quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tự nguyện.

Câu 52: Có thể sử dụng thông tin, hình ảnh thẻ bảo hiểm y tế trên ứng dụng nào để đi khám chữa bệnh bảo hiểm y tế thay thế thẻ bảo hiểm y tế giấy?

- a. Hình ảnh thẻ trên ứng dụng VssID hoặc hình ảnh thẻ trên ứng dụng VNeID hoặc thông tin trên thẻ Căn cước công dân.
- b. Hình ảnh thẻ của cán bộ, công chức, viên chức.
- c. Ảnh chụp qua điện thoại thông minh.
- d. Trên ứng dụng của ngân hàng.

Câu 53: Người lao động khi có nhu cầu nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia cần đính kèm những giấy tờ gì để nộp hồ sơ theo quy định?

- a. Bản chụp/scan giấy tờ chứng minh chấm dứt Hợp đồng lao động/Hợp đồng làm việc theo quy định.
- b. Sổ Bảo hiểm xã hội; căn cước công dân /chứng minh thư nhân dân.
- c. Sổ bảo hiểm xã hội.
- d. Hộ chiếu hoặc các giấy tờ tùy thân khác.

Câu 54: Thời gian giải quyết chính sách hưởng trợ cấp thất nghiệp cho người lao động trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia được quy định tối đa bao nhiêu ngày làm việc?

- a. 15 ngày làm việc.
- b. 17 ngày làm việc.

c. 20 ngày làm việc.

d. 30 ngày làm việc.

Câu 55: Tổng thời gian giải quyết nhóm thủ tục hành chính liên thông “Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng” đối với người có công là bao nhiêu ngày làm việc?

a. Không quá 18 ngày làm việc.

b. Không quá 24 ngày làm việc.

c. Không quá 12 ngày làm việc.

d. Không quá 10 ngày làm việc.

Câu 56: Hồ sơ liên thông điện tử đối với thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng đối tượng bảo trợ xã hội gồm những giấy tờ gì?

a. Chỉ cần Tờ khai điện tử.

b. Chỉ cần Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp.

c. Chỉ cần Giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội.

d. Tờ khai điện tử; Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp; Giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội.

Câu 57: Người lao động có nhu cầu đăng ký nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội thì thời hạn nộp hồ sơ là bao nhiêu tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc?

a. 01 tháng.

b. 02 tháng.

c. 03 tháng.

d. 06 tháng.

Câu 58: Thời gian giải quyết thủ tục “Đăng ký khai tử” thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến qua website: <https://dichvucong.hanoi.gov.vn> là bao nhiêu ngày?

a. Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

b. 03 ngày làm việc.

c. 05 ngày làm việc.

d. 07 ngày làm việc.

Câu 59: Khi thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến lĩnh vực hộ tịch, thủ tục hành chính nào dưới đây công dân không thể ủy quyền cho người khác thực hiện?

a. Cấp bản sao trích lục hộ tịch.

b. Đăng ký kết hôn.

c. Đăng ký nhận cha, mẹ con.

d. Phương án b và c.



Câu 60: Muốn thực hiện thủ tục: "Cấp phiếu lý lịch tư pháp" thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp Hà Nội, công dân nộp hồ sơ theo cách thức nào dưới đây?

a. Nộp qua dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tư pháp tại website: [Https://ltptructuyen.moj.gov.vn](https://ltptructuyen.moj.gov.vn) hoặc tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia tại website: [Https://dichvucong.gov.vn](https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công Hà Nội tại website: [Https://dichvucong.hanoi.gov.vn](https://dichvucong.hanoi.gov.vn).

b. Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

c. Nộp tại "Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính" của Sở Tư pháp Hà Nội.

d. Tất cả phương án trên đều đúng.

II. CÂU HỎI PHẦN THI TỰ LUẬN

(Bài dự thi Tối thiểu 300 từ, tối đa không quá 1500 từ)

Câu hỏi: Ông/bà/anh/chị hãy nêu những tiện ích nổi bật của ứng dụng VNeID của Bộ Công an và đề xuất sáng kiến nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến?

